

Số : /QĐ-GDĐT

Gia Nghĩa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán năm 2023.

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023; Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND thành phố về việc bổ sung kinh phí năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-GDĐT ngày 24/10/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc bổ sung dự toán thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023; Quyết định số 182/QĐ-PGDĐT ngày 26/10/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc bổ sung dự toán năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán năm 2023 cho ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa với tổng số tiền **329.978.911 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm mười một đồng)**, trong đó:

+ Dự toán thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông năm 2023 số tiền **160.650.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)**.

+ Dự toán thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 số tiền **169.328.911 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám ngàn chín trăm mười một đồng)**.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Căn cứ dự toán bổ sung, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm điều hành dự toán được giao theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công thông tin điện tử;
- Phòng TC-KH;
- Lưu VT, TV;

Phạm Thị Hà

Biểu số 1.1-Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Phòng Giáo dục và đào tạo

Chương: 622

DỰ TOÁN BỔ SUNG ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

Kèm theo Quyết định của phòng Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Tân Lập Thành	Hoạ Mi	Tô Hiệu	Lê Hồng Phong	Nguyễn Viết Xuân	Thăng Long	N'Trang Long	Trần Văn Ôn	Nguyễn Bình Khiêm
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí											
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	329.978.911	329.978.911	1.376.000	28.320.000	62.144.000	169.328.911	13.762.000	1.376.000	4.129.000	48.167.000	1.376.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	329.978.911	329.978.911	1.376.000	28.320.000	62.144.000	169.328.911	13.762.000	1.376.000	4.129.000	48.167.000	1.376.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	329.978.911	329.978.911	1.376.000	28.320.000	62.144.000	169.328.911	13.762.000	1.376.000	4.129.000	48.167.000	1.376.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	329.978.911	329.978.911	1.376.000	28.320.000	62.144.000	169.328.911	13.762.000	1.376.000	4.129.000	48.167.000	1.376.000
	Chi thường xuyên không giao tự chủ	329.978.911	329.978.911	1.376.000	28.320.000	62.144.000	169.328.911	13.762.000	1.376.000	4.129.000	48.167.000	1.376.000
	- Dự toán thực hiện chính sách tính giảm biên chế năm 2023 (Nguồn 15)	169.328.911	169.328.911				169.328.911					
	- Dự toán thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông, trong đó:	160.650.000	160.650.000	1.376.000	28.320.000	62.144.000	-	13.762.000	1.376.000	4.129.000	48.167.000	1.376.000
	+ Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo (Nguồn 15)	141.750.000	141.750.000	1.376.000	22.020.000	49.544.000		13.762.000	1.376.000	4.129.000	48.167.000	1.376.000
	+ Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học sinh, sinh viên là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững (Nguồn 15)	18.900.000	18.900.000		6.300.000	12.600.000						